CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tứ Hải Hà Nam

Ngày 31/12/2025	8,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**1.1%**	**3.5%**

DT thuần
Q4/25
23.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.1| -54.0%
YoY: ▼9.70| -28.7%

LN thuần
Q4/25
-4.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.7| -149%
YoY: ▼6.63| -311%

LN sau thuế
Q4/25
-4.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.2| -159%
YoY: ▼6.13| -376%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.3%
YoY: +/-▼ 4.1%

ROE
2025
1.0%
YoY: +/-▼ 4.1%

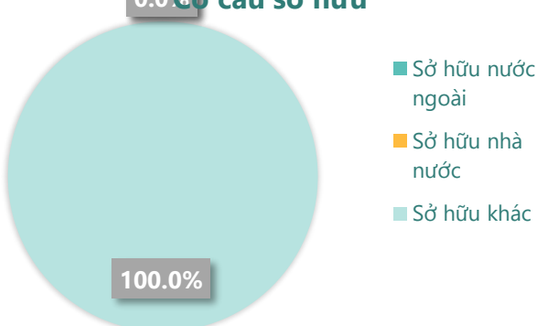
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,100 - 10,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	107
Số lượng CPLH (CP)	12,152,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,980
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.48)
EPS	106
P/E	83.4

DT thuần
2025
118
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.0| -12.1%

LN thuần
2025
2.29
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.17| -73.0%

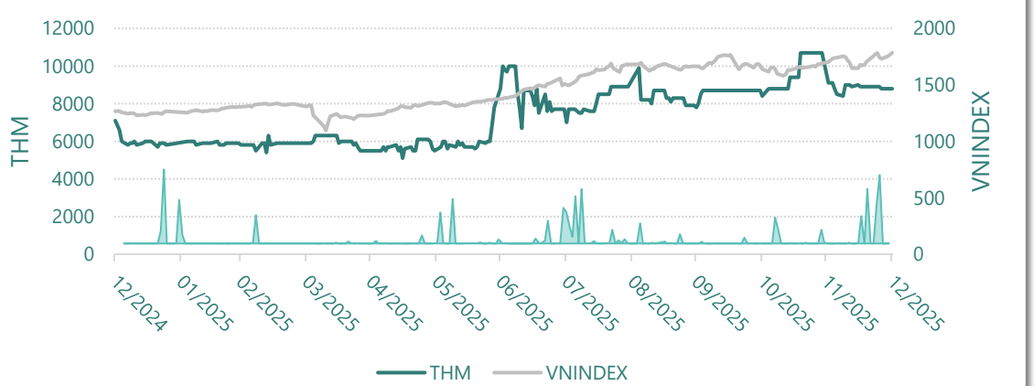
LN sau thuế
2025
1.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.18| -80.2%

Cơ cấu sở hữu

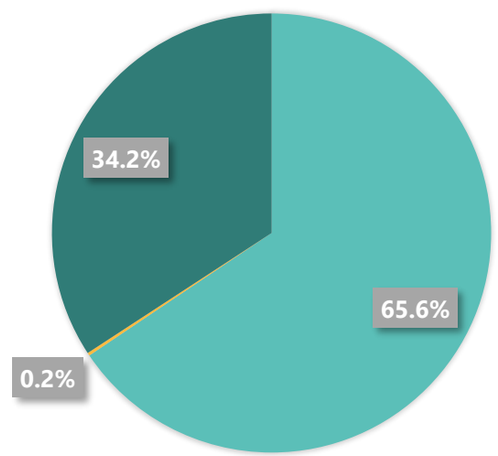


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

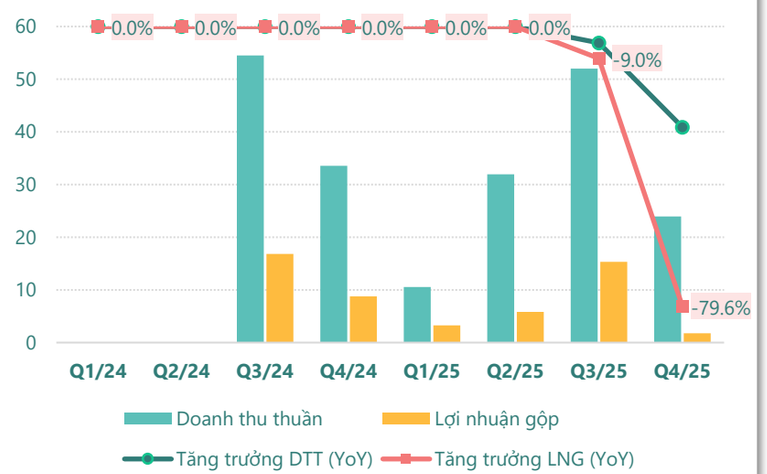


CTCP Appatex
Nguyễn Thị Hương (Kế toán trưởng)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

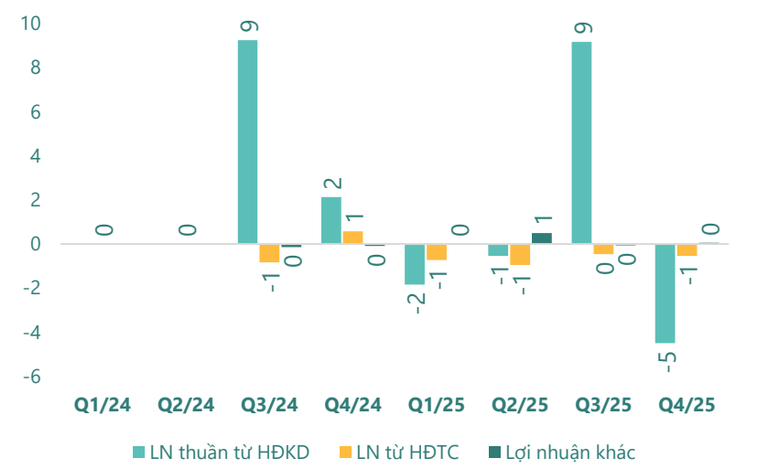
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



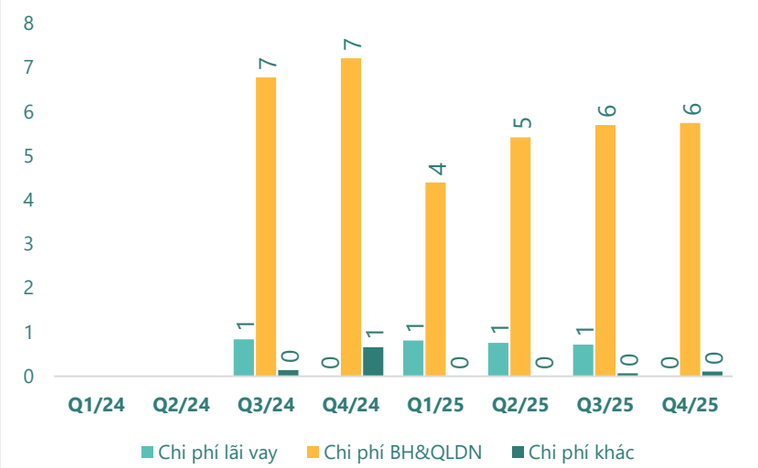
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



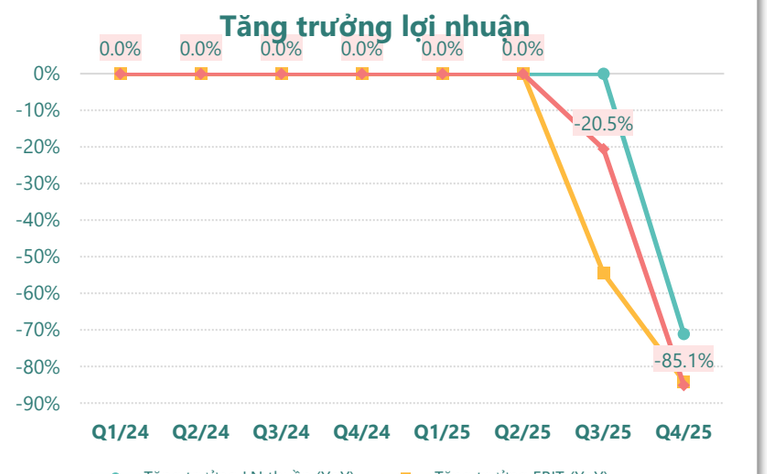
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



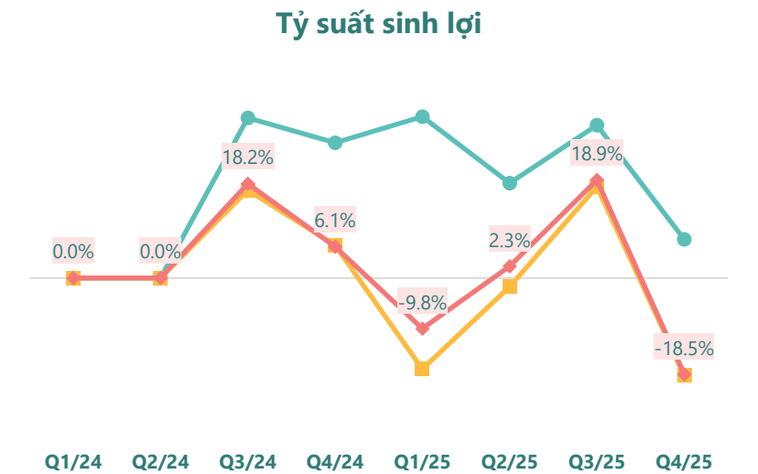
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



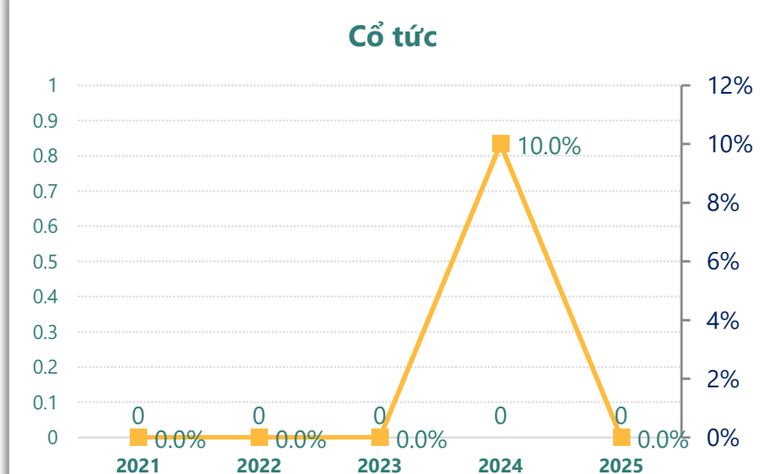
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

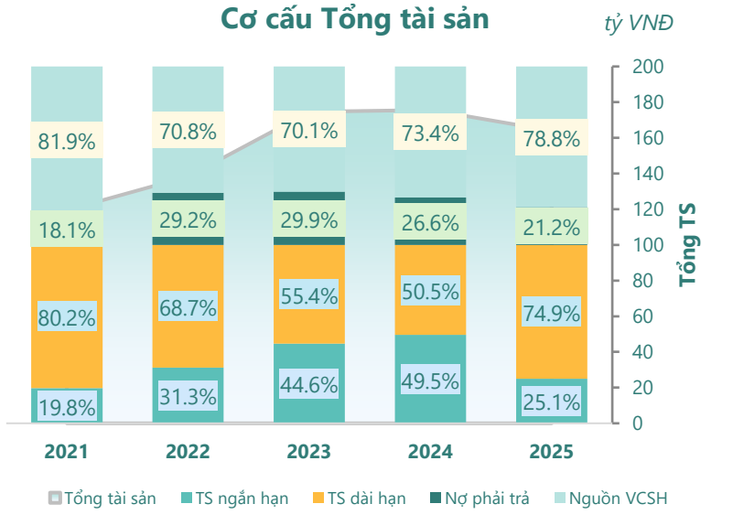
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

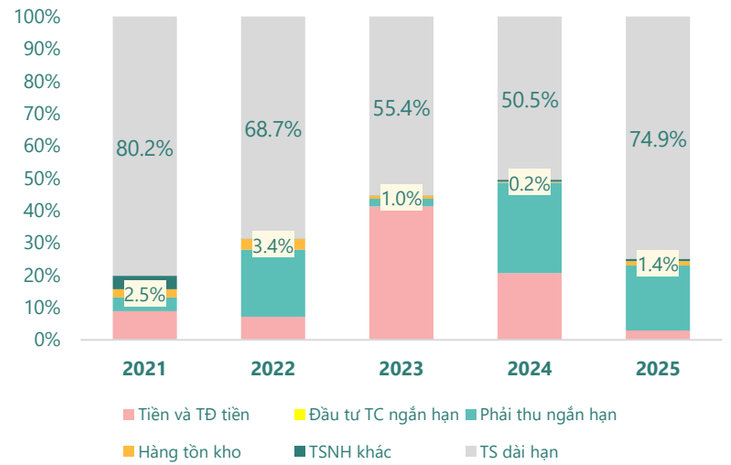
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



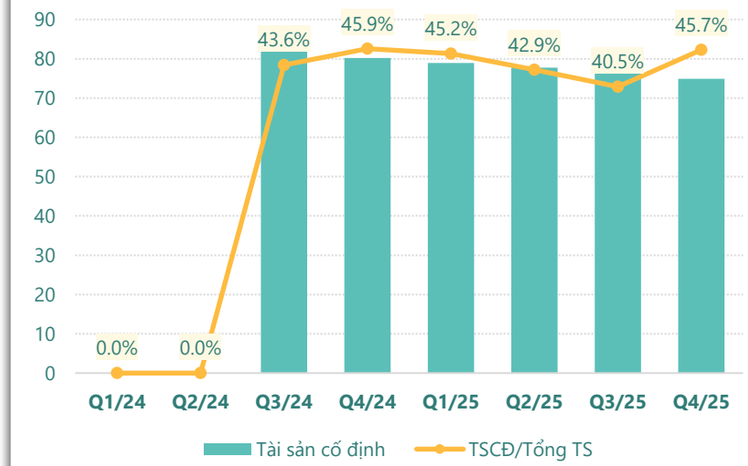
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



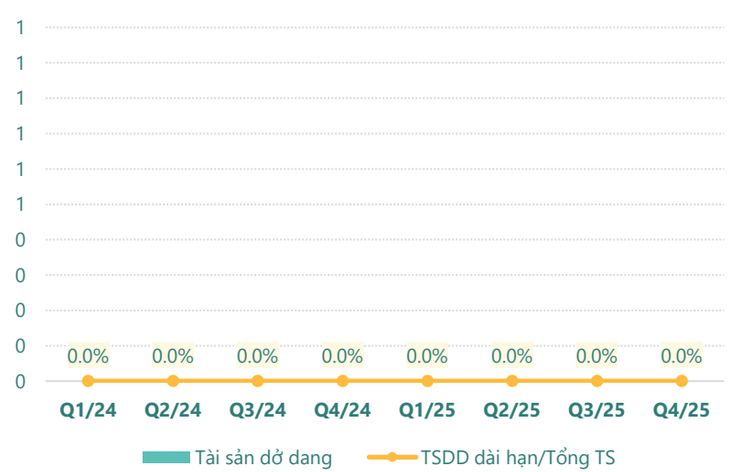
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



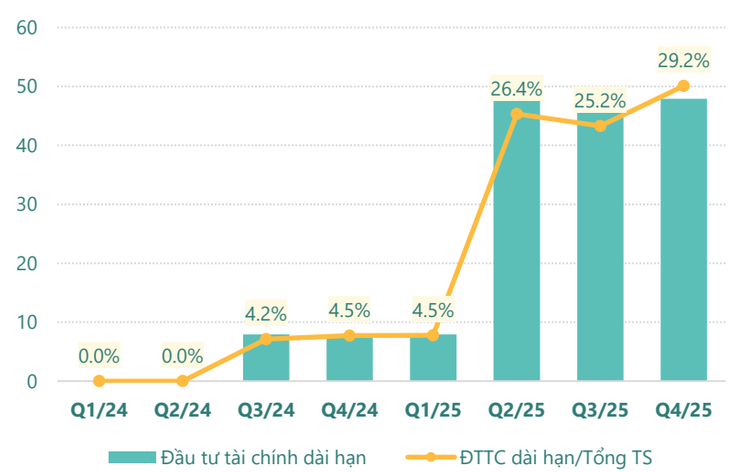
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



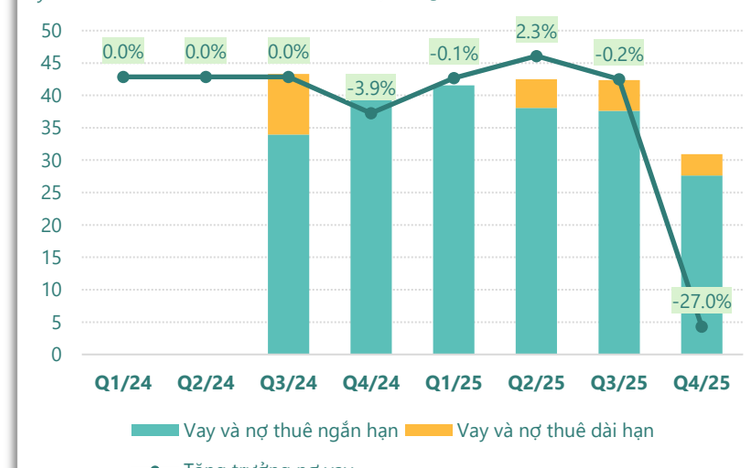
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

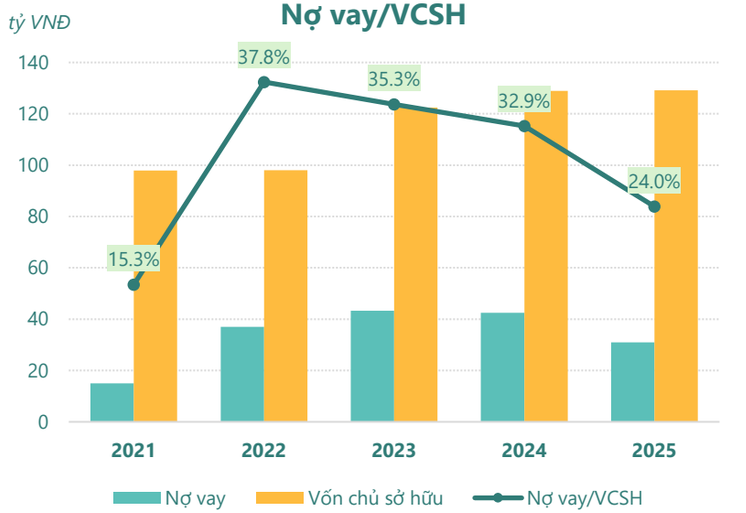
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

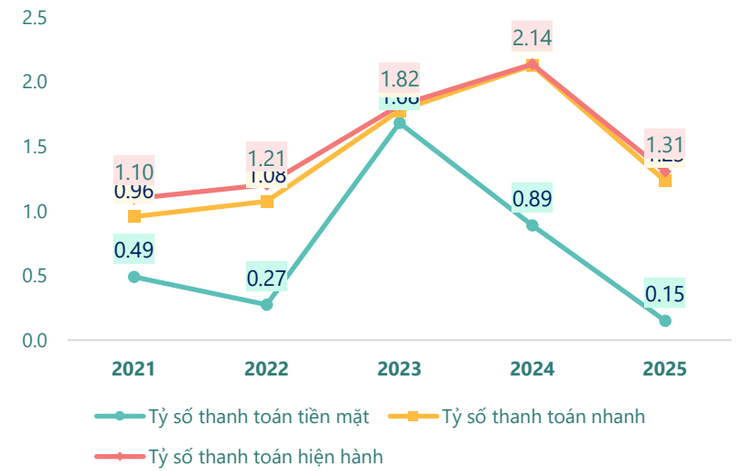
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



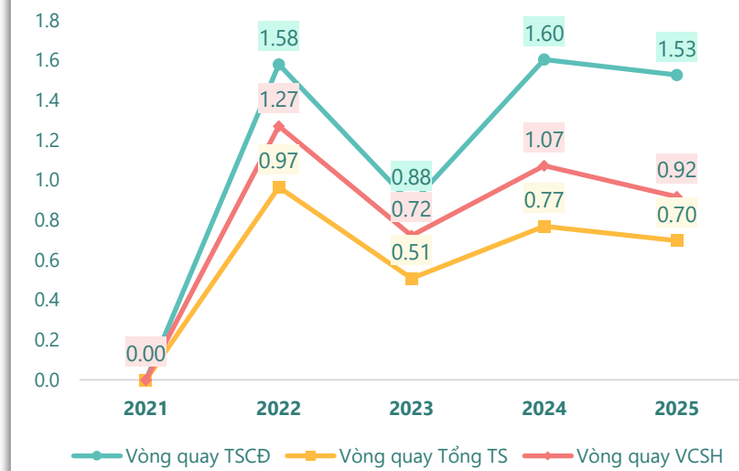
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



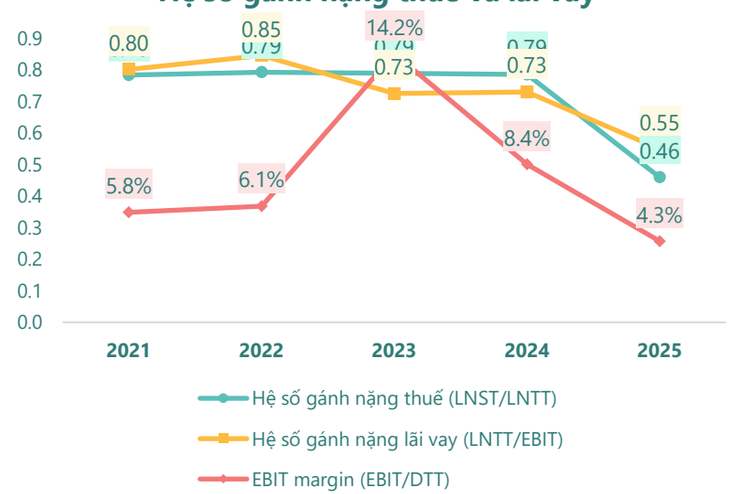
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



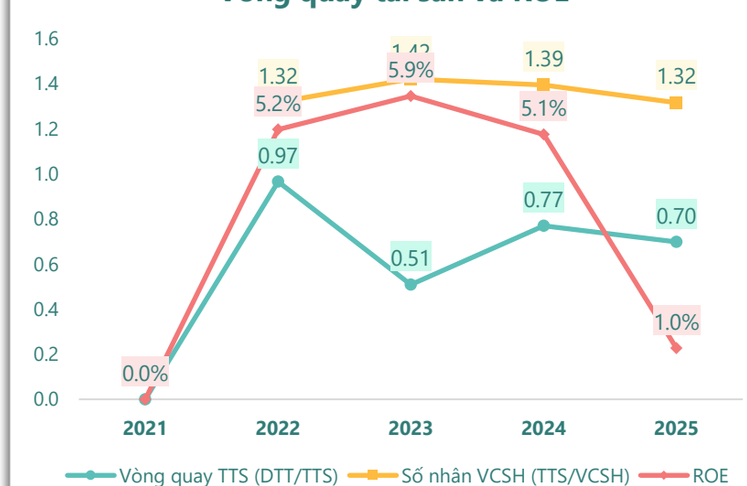
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



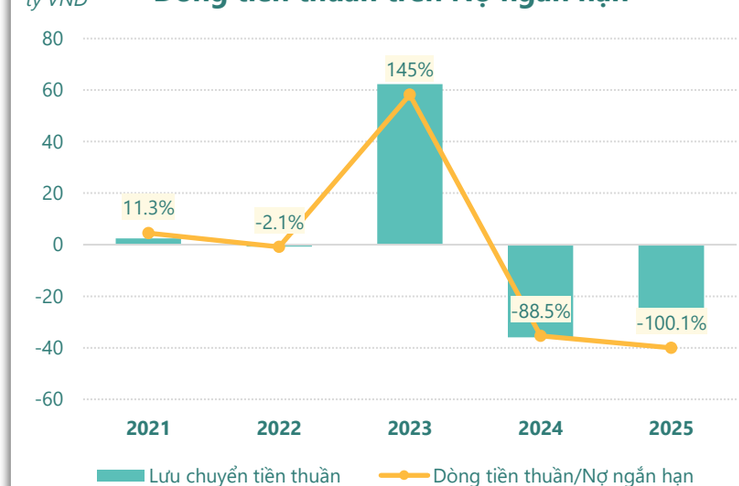
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**23.9**	**33.6**	**-28.7%**	**118**	**135**	**-12.1%**
Giá vốn hàng bán	22.2	24.8	-10.6%	92.2	99.4	-7.3%
Lợi nhuận gộp	1.78	8.76	-79.6%	26.2	35.3	-25.7%
Doanh thu HĐTC	0.10	1.63	-93.8%	0.48	1.99	-75.8%
Chi phí TC	0.64	1.05	-39.1%	3.17	4.34	-26.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		2.29	3.03	-24.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.79	1.12	-29.2%	3.36	5.50	-38.9%
Chi phí QLDN	**4.95**	**6.09**	**-18.7%**	**17.9**	**19.0**	**-5.8%**
LN thuần từ HĐKD	-4.50	2.13	-311%	2.29	8.46	-73.0%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**-0.09**	**165%**	**0.50**	**-0.24**	**308%**
LN trước thuế	-4.44	2.04	-318%	2.79	8.22	-66.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-4.50**	**1.63**	**-376%**	**1.28**	**6.46**	**-80.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-4.50**	**1.63**	**-376%**	**1.28**	**6.46**	**-80.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-11.3	-8.17	7.16	25.2	-13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-48.9	49.5	-70.5	9.70	-19.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.95	-0.92	0.75	-0.07	-11.4
Tiền đầu kỳ	0	86.9	24.8	65.2	2.52	37.3
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**-62.2**	**40.4**	**-62.6**	**34.8**	**-44.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	24.8	65.2	2.52	37.3	4.72

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**164**	**176**	**-6.7%**
Tài sản ngắn hạn	41.1	87.0	-52.8%
Tiền và tương đương tiền	4.72	36.2	-86.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	33.0	49.2	-33.1%
Hàng tồn kho	2.26	0.34	558%
Tài sản ngắn hạn khác	1.11	1.20	-7.2%
Tài sản dài hạn	**123**	**88.6**	**38.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	74.9	80.2	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	47.9	7.90	506%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.53**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	34.7	46.7	-25.6%
Nợ ngắn hạn	**31.4**	**40.7**	**-22.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.6	36.5	-24.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.80	1.68	7.4%
Nợ dài hạn	3.30	6.00	-45.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.30	6.00	-45.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**129**	**129**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**129**	**129**	**0.2%**
Vốn điều lệ	122	122	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)